

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13/01/2022

"V/v ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dục

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Bình - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Dương Thị Thu Hồng - Chủ tịch hội LHPN xã Cẩm Ninh

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hữu - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2021/TLST - HNGĐ ngày 27/10/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 09/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị Hồng Ph, sinh năm 1996 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phùng Văn G, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Người có QLVN liên quan: Cháu Phùng G H, sinh ngày 26/3/2020

Người đại diện hợp pháp của cháu Hân: Chị Ph- Mẹ đẻ của cháu

Đều trú tại: AAD, BS, Ân Thi, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2021 và lời khai của chị Ph trình bày chị và anh G quen biết nhau do có người giới thiệu, sau một thời gian tìm hiểu thống nhất về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh, chị, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào ngày 10/6/2019. Sau khi cưới chị về ngay gia đình anh G chung sống, vợ chồng chung sống tại AAD, BS, Ân Thi. Quá trình chung sống, vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 01 con

chung. Đến tháng 4/2021 vợ chồng chị cãi nhau nguyên nhân là do anh G làm ở Hà Nội không quan tâm gì đến con, lương của anh G thì anh G không đưa cho chị bảo là còn phải dồn để trả nợ, mọi chi tiêu đến con cái trong gia đình do chị lo, trong khi bố chồng, anh G đi làm ở Hà Nội, ở nhà chỉ có chị và mẹ chồng, con riêng của anh G, nhiều khi chị dạy bảo thì mẹ chồng nói chị, dẫn đến mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu. Để khắc phục mâu thuẫn nên chị thuê nhà trọ ở, nhưng anh G không điện thoại, hỏi thăm gì chị. Tháng 6/2021 anh G từ Hà Nội về và cãi nhau với chị cho chị xem tin nhắn, bảo chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, chị nói không nhưng anh G không tin và có lời lẽ xúc phạm chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị làm đơn xin ly hôn anh G.

Về con chung: Có 01 con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai của anh G trình bày: Anh và chị Ph do người bạn đồng ngũ giới thiệu, tìm hiểu nhau được 01 tháng thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào ngày 10/6/2019. Sau khi cưới chị Ph về ngay gia đình anh chung sống, quá trình chung sống vợ chồng anh sau một thời gian hạnh phúc thì chị Ph mâu thuẫn với mẹ chồng vì con riêng của anh với người vợ trước, chị Ph thường xuyên cãi vã và tìm cách ra ở trọ, trầm trọng vào tháng 4/2021 chị Ph cùng bạn bỏ nhà đi, chị Ph gặp gỡ với người đàn ông tên Ngọc Anh, đã gửi cho anh tin nhắn tình cảm giữa hai người, anh đã bắt xe từ Hà Nội về nhà trọ của chị Ph thì chị Ph không thừa nhận, nhưng anh cho xem tin nhắn thì chị Ph thừa nhận. Sau khi về đến nhà, được mọi người, bố mẹ hai bên khuyên thì anh đã làm hòa nhưng được một thời gian anh Ngọc Anh vẫn tiếp tục gọi điện, anh và chị Ph cãi nhau, chị Ph bỏ đi. Nay chị Ph xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Phùng G H, sinh ngày 26/3/2020. Hiện nay cháu đang ở với anh G. Nay ly hôn anh G nhận nuôi con chung và không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

Tại biên bản lấy lời khai của bà Lê Thị Tơ (mẹ đẻ của anh G) trình bày: Anh G, chị Ph tự tìm hiểu nhau, gia đình hai bên nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị vào tháng 6/2019, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy. Sau khi cưới, chị Ph về ngay gia đình chồng chung sống, quá trình chung sống bà thấy anh chị cãi nhau, bà còn bảo anh chị thôi đi, còn nguyên nhân tại sao bà không rõ. Do vợ chồng cãi nhau khi chị Ph sinh con được 7 tháng tuổi thì đã bỏ nhà đi, đi được 2 tháng anh chị lại về ở với nhau, được vài tháng chung sống vợ chồng lại cãi nhau. Tháng 7/2021 chị Ph lại bỏ đi, không về nhà bà nữa, từ khi chị Ph bỏ đi thì chị

Ph về nhà bà thăm con được 4 lần, việc chăm sóc, trông nom con do bà và anh Ph. Nay chị Ph xin ly hôn anh G, việc anh chị có ở được với nhau hay không là quyền của anh chị.

Về con chung: Anh G, chị Ph có 01 con chung là Phùng G H, sinh ngày 26/3/2020. Hiện nay cháu đang ở với gia đình bà và do gia đình bà trông nom, chăm sóc từ bé đến giờ, nếu anh G, chị Ph ly hôn bà xin HĐXX xem xét để cho anh G nuôi cháu.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có gì.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Bãi Sậy: Chị Ph, anh G là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào ngày 10/6/2019 tại số 28. Quá trình chị Ph, anh G chung sống với nhau có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được.

Về con chung: Vợ chồng chị Ph, anh G có 01 con chung là Phùng G H, sinh ngày 26/3/2020.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 27/12/2021: Chị Ph đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Còn anh G được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX tiến hành hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 13/01/2022: Chị Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh G được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 228, 238 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71, 72 và Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng

+ Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 228, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị Hồng Ph.

- Về con chung: Giao cháu Phùng G H, sinh ngày 26/3/2020 cho cho chị Ph nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh G cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Ph là 1.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 01/2022 cho đến khi cháu Hân thành niên. Anh G có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu giải quyết

- Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí DSST, anh G phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện VKSND huyện, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph, anh G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào ngày 10/6/2019. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Ph, anh G là hợp pháp. Nay chị Ph có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh G có ĐKHKTT tại AAD, BS, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị Ph, anh G xác định tháng 4/2021 vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân là do mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu trong việc dạy dỗ con riêng của anh G, sau đó chị Ph thuê nhà trọ ra ở riêng, chị nói chuyện với anh G nhưng anh G không nghe. Tháng 6/2021, anh G từ Hà Nội về và vợ chồng cãi nhau vì anh G nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Sau đó anh G, chị Ph về tiếp tục chung sống với nhau, nhưng chỉ được khoảng một tháng vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn. Do mâu thuẫn, anh G, chị Ph đều xác định vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 7/2021 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh G đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, anh G không đến hòa giải. Tại lời khai của anh G, chị Ph đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị Ph vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, anh Ph đồng ý ly hôn, bởi vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa chị Ph, anh G đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh G, chị Ph không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ph là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh G, chị Ph có 01 con chung là Phùng G H, sinh ngày 26/3/2020. Hiện nay con chung đang ở với anh G và ông bà nội. Nay ly hôn chị Ph, anh G đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Nguyện vọng được nuôi con của anh G, chị Ph là hoàn toàn chính đáng, thể hiện được trách nhiệm của người làm cha, làm

mẹ đối với con chưa thành niên. Tuy nhiên, cháu Hân mới được 22 tháng tuổi rất cần được sự chăm sóc của người mẹ, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “ *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*” . Vì vậy, HĐXX giao cháu Hân cho chị Ph nuôi để đảm bảo phát triển mọi mặt của con chung. Về cấp dưỡng chị Ph yêu cầu anh G phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị theo quy định của pháp luật, yêu cầu của chị Ph là chính đáng nên HĐXX buộc anh G phải cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 01/2022 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh G, chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và anh G phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị Hồng Ph được ly hôn anh Phùng Văn G

2- Về con chung: Giao cháu Phùng G H, sinh ngày 26/3/2020 cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh G phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Ph là 1.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 01/2022 cho đến khi cháu Hân đến tuổi thành niên. Anh G có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4 - Về án phí : Chị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0003016 ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị Ph đã nộp đủ án phí. Anh G phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5- Quyền kháng cáo: Chị Ph, anh G có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trò hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT và THA tỉnh;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Bãi Sậy, Ân Thi;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dục

